

# ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐÁP ỨNG CHUẨN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LĨNH VỰC PHÁP LUẬT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, QUA THỰC TIỄN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT, ĐẠI HỌC HUẾ

*Trần Viết Long<sup>1</sup>, Trần Thị Xuân Hồng<sup>1</sup>*  
*Email: vietlong1986@gmail.com*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 19/11/2025

Ngày phản biện đánh giá: 03/12/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 15/12/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.1034

**Tóm tắt:** Bài viết hệ thống quy định và quá trình rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Luật tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế nhằm đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật (Quyết định số 678). Mục tiêu là cụ thể trình bày việc điều chỉnh về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, cấu trúc chương trình và phương pháp giảng dạy... Qua đó, đánh giá một số thuận lợi và khó khăn khi thực hiện. Phương pháp nghiên cứu kết hợp phân tích, tổng hợp văn bản pháp lý và tài liệu chuyên môn, khảo cứu tài liệu học thuật và khảo sát thực tiễn nội bộ (hội nghị góp ý, đề cương học phần, báo cáo nội bộ). Dữ liệu nghiên cứu gồm quy định pháp luật, tài liệu chương trình đào tạo trước/sau điều chỉnh và ý kiến các bên liên quan. Kết quả cho thấy, Nhà trường đã cập nhật mục tiêu, lượng hóa chuẩn đầu ra, điều chỉnh tỷ lệ tín chỉ, bổ sung học phần về kỹ năng và ứng dụng công nghệ, đồng thời tăng cường thực tập, trải nghiệm. Ý nghĩa nghiên cứu là cung cấp thực tiễn tham khảo cho các cơ sở đào tạo luật khi triển khai chuẩn ngành theo lộ trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Từ khóa:** chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra, cơ sở pháp lý, nguồn lực đào tạo, kiểm định chất lượng giáo dục

## I. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học, việc chuẩn hóa chương trình đào tạo theo định hướng bảo đảm chất lượng và hội nhập quốc tế trở thành yêu cầu tất yếu đối với các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam. Theo

Công văn số 7235/BGDĐT-GDDH ngày 10/11/2025 về báo cáo tình hình thực hiện chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật hiện nay ở Việt Nam có 111 cơ sở giáo dục đào tạo ngành Luật gồm các trường đại học công lập và ngoài công lập. Vì vậy đặt ra thách thức lớn trong việc duy trì chất

<sup>1</sup> Trường Đại học Luật, Đại học Huế

lượng đào tạo và bảo đảm tính đồng bộ trong hệ thống, nhằm đảm bảo sinh viên tốt nghiệp nhanh chóng tìm được việc làm đúng ngành đào tạo, đồng thời có đủ khả năng hành nghề ngay không phải học việc hay đào tạo lại.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 13/9/2023 về việc phê duyệt “Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030” với mục tiêu chung là tăng cường kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế. Quyết định đặt ra mục tiêu cụ thể đến năm 2025 toàn bộ các chương trình đào tạo cử nhân luật đều được rà soát, điều chỉnh đáp ứng chương trình đào tạo khối ngành pháp luật. Trên cơ sở đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 quy định về “chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học”. Trong đó thống nhất yêu cầu tối thiểu về mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá và điều kiện thực hiện chương trình đào tạo trong toàn hệ thống.

## **II. Cơ sở lý thuyết**

### ***2.1. Thiết kế và điều chỉnh chương trình đào tạo***

Các nghiên cứu về thiết kế và điều chỉnh chương trình đào tạo trên thế giới đều thống nhất rằng chương trình đào tạo là một cấu trúc động, cần được thiết kế và cải tiến liên tục để đáp ứng nhu cầu người học và thị trường lao động. Selvakumar, Babu, Portia và cộng sự (2024), Idris (2024), cũng như Shower (n.d.) đều nhấn mạnh vai trò của sự liên kết mang tính

xây dựng giữa mục tiêu học tập, hoạt động dạy học và hình thức đánh giá trong việc bảo đảm chất lượng và tính mạch lạc của chương trình. Huma (2021), Hill, Readman và Strampel (2024) và Nguyen (2014) tiếp cận thiết kế chương trình như một quy trình hệ thống, gắn với triết lý giáo dục, nhu cầu người học, công bằng xã hội và bối cảnh nghề nghiệp, đồng thời đề cao các mô hình thiết kế hiện đại như thiết kế ngược (backward design) và chương trình lấy người học làm trung tâm. Các nghiên cứu của Druzhinina và cộng sự (2018), Bhambra và Johnson (2024), Cameron và Birkett (2012), cũng như Wei (2005) cho thấy thiết kế chương trình không chỉ là lựa chọn nội dung mà còn là mô hình hóa chương trình dưới dạng cấu trúc, khung năng lực và các “hiện vật” (syllabus, kế hoạch dạy học, hệ thống đánh giá) được chia sẻ giữa các bên liên quan. Theo đó, chương trình đào tạo cần tích hợp kiến thức, kỹ năng, giá trị và năng lực chuyển giao, đồng thời phải đủ linh hoạt để thích ứng với thay đổi công nghệ và yêu cầu mới của nghề nghiệp. Ramdass và Mokgohloa (2023) chỉ ra tính phức tạp của thiết kế chương trình trong giáo dục đại học, chịu ảnh hưởng của nhiều tầng bối cảnh (vĩ mô, trung mô, vi mô), khiến việc điều chỉnh chương trình vừa cần khoa học vừa cần quản trị chiến lược.

Các tài liệu về điều chỉnh chương trình đào tạo, cơ cấu ngành/chuyên ngành và mô hình đào tạo nhân lực. Ở tầm vĩ mô và cơ cấu ngành nghề, Deng và Shang (2011), Guo và Yang (2009), Li (2023) và Zhu (2023) nhấn mạnh việc điều chỉnh ngành, mô hình đào tạo và cơ cấu chương trình để gắn kết chặt chẽ hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thị trường lao động, các nghiên cứu này đề xuất điều chỉnh chương trình dựa trên khảo

sát doanh nghiệp, điều tra nghề nghiệp và phân tích nhu cầu xã hội. Ở cấp độ chương trình và kế hoạch đào tạo Qi và Yu (2013), Song (2009), Růžicka và cộng sự (2016) và Borisova và Gordienko (2023) phân tích việc sửa đổi mục tiêu, cấu trúc chương trình, mô-đun học phần, tăng cường thực hành và cập nhật nội dung theo yêu cầu của ngành. Các tác giả đều cho rằng việc điều chỉnh này cần được thực hiện như một quá trình liên tục, dựa trên dữ liệu phản hồi từ doanh nghiệp, sinh viên, người học tốt nghiệp và bối cảnh nghề nghiệp thay đổi. Song (2009) và Cameron & Birkett (2012) còn nhấn mạnh vai trò của hệ thống và công cụ hỗ trợ điều chỉnh chương trình (hệ thống điều chỉnh kế hoạch giảng dạy, môi trường phần mềm mô hình hóa chương trình) nhằm tăng tính linh hoạt và minh bạch khi thay đổi chương trình đào tạo.

Tổng hợp các công trình trên cho thấy: (i) thiết kế và phát triển chương trình đào tạo phải dựa trên các nguyên tắc khoa học về mục tiêu - nội dung - phương pháp - đánh giá, gắn với tiếp cận chuẩn đầu ra; (ii) điều chỉnh chương trình và cơ cấu ngành/chuyên ngành cần mang tính động, dựa trên bằng chứng, gắn với nhu cầu thị trường lao động và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực; (iii) công cụ, hệ thống hỗ trợ thiết kế - điều chỉnh chương trình đào tạo có vai trò quan trọng trong bảo đảm tính nhất quán, linh hoạt và minh bạch. Đây là cơ sở lý luận quan trọng để soi chiếu và phân tích quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Luật theo chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật và các yêu cầu kiểm định, đảm bảo chất lượng ở Việt Nam.

## **2.2. Giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra**

Lý thuyết giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (Outcome - Based - Education -

OBE) do William G. Spady khởi xướng vào năm 1980. Đây là học thuyết nền tảng cho xu hướng đổi mới giáo dục hiện nay trên thế giới. Spady (1994) quan niệm CTĐT nên được thiết kế, tổ chức và vận hành theo các kết quả đầu ra mà người học phải đạt được sau khi hoàn thành khóa học, gồm kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành nghề nghiệp và thái độ. Quyết định 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2025 về “Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về hệ thống chuẩn đầu ra, kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học.

Lý thuyết phát triển chương trình đào tạo của học giả Ralph W. Tyler và Hilda Taba là nền tảng quan trọng trong xây dựng chương trình giáo dục hiện đại. Tyler (1949) đề xuất mô hình kinh điển “Tyler Rationale” với nội dung về mục tiêu đào tạo, lựa chọn và tổ chức kinh nghiệm học tập, cùng phương thức đánh giá, tạo nên cấu trúc logic và chặt chẽ cho quá trình phát triển chương trình đào tạo. Trong khi đó, Taba (1962) nhấn mạnh cách tiếp cận “từ dưới lên” với quy trình chẩn đoán nhu cầu, xây dựng mục tiêu, lựa chọn nội dung, tổ chức hoạt động học tập và đánh giá, khẳng định vai trò chủ đạo của giảng viên và nhu cầu người học trong thiết kế chương trình. Hai học giả đã tạo khung lý thuyết vững chắc và bổ trợ cho nhau. Trong đó mô hình của Tyler cung cấp cấu trúc logic, chặt chẽ từ góc độ hệ thống, mô hình của Taba nhấn mạnh tính thực tiễn và vai trò của đạo của giảng viên, nhu cầu của người học tại cơ sở giáo dục.

## **III. Phương pháp nghiên cứu**

Dựa trên các kết quả nghiên cứu và thông tin thu thập được qua các văn bản

pháp lý, các bài báo khoa học chuyên ngành và vận dụng, tiếp cận các mô hình quản lý chất lượng ở Việt Nam và nước ngoài, bài báo sử dụng các phương pháp chủ yếu gồm phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp khảo cứu tài liệu và phương pháp dự báo khoa học.

#### **IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận**

##### **4.1. Một số quy định cốt lõi trong Chuẩn chương trình đào tạo ngành Luật trình độ đại học theo Quyết định 678/QĐ-BGDĐT**

###### **4.1.1. Mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra**

*Một là, mục tiêu của chương trình đào tạo*

Mục tiêu mà các chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học cần hướng đến là <sup>2</sup>đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn pháp luật toàn diện, hệ thống; nắm vững nguyên lý, quy luật xã hội liên quan đến pháp luật; có kỹ năng cơ bản thực hành nghề luật; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực pháp luật; thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân. Theo đó, mục tiêu mà chuẩn chương trình đào tạo ngành Luật đang hướng đến là đào tạo người học phát triển toàn diện năng lực, cân bằng giữa đào tạo lý thuyết và kỹ năng thực hành. Bao gồm từ phẩm chất, đạo đức đến kiến thức nền tảng về lý luận và thực tiễn pháp luật; vận dụng tư duy pháp lý, lập luận và kỹ năng hành nghề để phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề pháp lý trong nhiều bối cảnh.

*Hai là, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo*

Về kiến thức: Chuẩn chương trình đào tạo đại học ngành Luật<sup>2</sup> nêu rõ người học cần áp dụng được kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức thực tiễn cơ bản về lĩnh vực pháp luật, bao gồm: Kiến thức về lý luận, lịch sử nhà nước và pháp luật; các học thuyết chính trị - pháp lý; luật hiến pháp, quyền con người; nghề luật và đạo đức nghề luật; lập luận và kỹ năng viết trong nghề luật; nhóm kiến thức luật hành chính; nhóm kiến thức luật kinh tế; nhóm kiến thức luật quốc tế; nhóm kiến thức luật dân sự; nhóm kiến thức luật hình sự. Đồng thời, người học phải có kiến thức về chính trị, xã hội, văn hóa - lịch sử, đáp ứng yêu cầu hành nghề và phục vụ cộng đồng. Đây là nhóm kiến thức cốt lõi theo Khung trình độ quốc gia ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg.

Về kỹ năng: trên cơ sở các yêu cầu về kỹ năng được quy định tại Quyết định 678/QĐ-BGDĐT, ngoài việc người học cần đạt được các năng lực về ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và các kỹ năng về công nghệ thông tin, thì có thể phân chuẩn đầu ra về kỹ năng mà người học cần đạt được thành 4 nhóm chính gồm: Kỹ năng về nhận thức và tư duy pháp lý; Kỹ năng thực hành nghề nghiệp; Kỹ năng mềm; Kỹ năng ứng dụng công nghệ pháp lý.

Với yêu cầu về kỹ năng này, khi xây dựng chuẩn đầu ra, các cơ sở đào tạo nên cân nhắc đến việc sử dụng các động từ rõ ràng có thể đo lường được như: phân tích, đánh giá, lập luận, vận dụng, soạn thảo, trình bày, đàm phán...

<sup>2</sup> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), “Quyết định 678/QĐ-BGDĐT về việc Ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học”.

Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm: Chuẩn đầu ra này nhấn mạnh tính độc lập và chịu trách nhiệm trong phạm vi nghề nghiệp của người học. Quyết định 678/QĐ-BGDĐT yêu cầu các cơ sở đào tạo luật phải đào tạo người học sau khi tốt nghiệp cần tự chủ trong công việc chuyên môn; tự chịu trách nhiệm đối với kết quả công việc; thể hiện được năng lực ra quyết định pháp lý trong phạm vi được giao; khả năng thích ứng với môi trường pháp lý luôn thay đổi, học tập suốt đời và cập nhật pháp luật liên tục; có đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm với xã hội; có năng lực làm việc nhóm và có thể điều phối được công việc trong nghề nghiệp.

#### *Ba là, chuẩn đầu vào*

Đối với chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật quy định tại Quyết định 678/QĐ-BGDĐT, thí sinh phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương, đạt tối thiểu 60% thang điểm xét tuyển dựa trên các môn đánh giá năng lực ngôn ngữ và tư duy (Toán, Ngữ văn, hoặc tổ hợp tương ứng). Các cơ sở đào tạo có thể áp dụng phương thức kiểm tra năng lực đầu vào tùy từng ngành đào tạo để bảo đảm người học có khả năng tiếp cận tri thức pháp lý và tuân thủ quy định theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam quy định tại Quyết định 1982/QĐ-TTg. Trường hợp thí sinh đã có bằng đại học được miễn chuẩn này, thể hiện cơ chế công nhận kết quả học tập và liên thông trình độ.

#### *4.1.2. Cấu trúc và nội dung của chương trình đào tạo*

##### *Một là, cấu trúc chương trình đào tạo*

Quyết định 678/QĐ-BGDĐT yêu cầu chương trình đào tạo khi xây dựng phải có tổng khối lượng học tập từ 120 tín chỉ trở lên, được phân bổ thành ba cấu

phần: giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở ngành và cốt lõi ngành, và thực tập - trải nghiệm nghề luật. Cụ thể:

- Phần giáo dục đại cương: yêu cầu kiến thức về lý luận chính trị, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; kiến thức xã hội; kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ.

- Phần cơ sở ngành và cốt lõi ngành: chiếm tỷ trọng lớn trong chương trình đào tạo, bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn, bao quát từ lý luận pháp luật, học thuyết chính trị-pháp lý, luật hiến pháp, luật hành chính, luật kinh tế, luật dân sự, luật hình sự và luật quốc tế. Trong đó khối lượng kiến thức bắt buộc của mỗi thành phần được tính như sau:

+ Thành phần cơ sở ngành yêu cầu khối lượng kiến thức bắt buộc tối thiểu 16 tín chỉ.

+ Thành phần cốt lõi ngành yêu cầu khối lượng kiến thức bắt buộc tối thiểu 44 tín chỉ, bao gồm 05 (năm) nhóm chính: (1) Nhóm kiến thức về hiến pháp, pháp luật hành chính; (2) Nhóm kiến thức về pháp luật hình sự, tố tụng hình sự; (3) Nhóm kiến thức về pháp luật dân sự, tố tụng dân sự; (4) Nhóm kiến thức về pháp luật kinh tế; (5) Nhóm kiến thức về pháp luật quốc tế.

Kiến thức tự chọn bao gồm kiến thức cơ sở ngành, cốt lõi ngành, khóa luận tốt nghiệp hoặc kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp, các nhóm kỹ năng nhằm cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết, thực tiễn, kỹ năng, thái độ và năng lực cần thiết phù hợp với định hướng nghề nghiệp tương lai của ngành đào tạo và khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp thay đổi, đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Phần thực tập, trải nghiệm: có khối lượng tối thiểu 07 tín chỉ và tối đa là 15 tín chỉ. Ngoài ra, tùy theo sứ mạng, chiến

lược và định hướng (nghiên cứu, ứng dụng, nghề nghiệp) của mình, cơ sở đào tạo có thể chủ động phân bố tỷ lệ giữa kiến thức cơ sở ngành, cốt lõi ngành, thực tập, trải nghiệm một cách phù hợp, với điều kiện cần đảm bảo quy định về tỷ lệ giữa các khối kiến thức theo yêu cầu của Quyết định 678/QĐ-BĐCLGD.

Nhìn chung, cấu trúc của chương trình đào tạo khi xây dựng cần đảm bảo tính logic, kế thừa và tích lũy năng lực cho người học. Các học phần được xây dựng trong chương trình đào tạo cần đảm bảo tính liên thông và nhất quán giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo. Khung cấu trúc này đã cơ bản đáp ứng yêu cầu về mục tiêu đào tạo ngành Luật trình độ đại học.

*Hai là, nội dung chương trình đào tạo*

Ngoài yêu cầu về cấu trúc, nội dung chương trình đào tạo cần đáp ứng các yêu cầu về việc mỗi thành phần, học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ ràng trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Chuẩn đầu ra của các học phần cụ thể hóa một cách đầy đủ, rõ nét chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tương ứng. Các học phần về pháp luật nội dung được học trước các học phần về pháp luật hình thức (tổ tụng) tương ứng. Các kiến thức thực hành được phân bổ hợp lý trong toàn bộ thời gian cung cấp các nhóm kiến thức cơ sở ngành, cốt lõi ngành, bảo đảm người học được hướng dẫn và thực hành trực tiếp. Đồng thời việc đào tạo kỹ năng được thực hiện thông qua hình thức các học phần đào tạo kỹ năng riêng biệt và lồng ghép trong giảng dạy các học phần về kiến thức pháp luật.

### *4.1.3. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập*

#### *Phương pháp giảng dạy*

Phương pháp giảng dạy cần phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của học phần; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng, tăng cường tính thực tiễn, định hướng hiệu quả để người học đạt được mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần. Cụ thể cần sử dụng hợp lý các phương pháp giảng dạy sau: Phương pháp thuyết giảng; Phương pháp thảo luận; Phương pháp tranh biện; Phương pháp tình huống; Phương pháp đóng vai (phiên tòa giả định, hòa giải, đàm phán...); Phương pháp làm việc nhóm; Phương pháp trải nghiệm thực tế; các phương pháp khác phù hợp với CTĐT.

#### *Đánh giá kết quả học tập*

Việc đánh giá kết quả học tập được thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra của từng học phần, đảm bảo đánh giá cả kiến thức, kỹ năng, năng lực thực hành và thái độ. Đánh giá kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức. Tỷ trọng của đánh giá ý thức học tập, đánh giá bài tập cá nhân/bài tập nhóm/bài tập giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần do các cơ sở đào tạo xác định.

### *4.1.4. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ*

Ngoài việc CTĐT phải đảm bảo có đủ số lượng giảng viên để bảo đảm tỷ lệ người học trên giảng viên đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành thì Quyết định 678/QĐ-BGDĐT yêu cầu đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của cơ sở đào tạo thực hiện chương trình đào tạo phải đảm bảo như sau:

- Đội ngũ giảng viên phải có trình độ tối thiểu thạc sĩ phù hợp học phần giảng

day; trợ giảng có trình độ đại học trở lên. Giảng viên hằng năm công bố ít nhất 01 công trình khoa học, và giảng viên dạy các học phần pháp luật phải có kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực pháp lý, đáp ứng yêu cầu về công bố hoặc sách chuyên khảo trong 5 năm gần nhất.

- Chương trình đào tạo phải có ít nhất 01 tiến sĩ cơ hữu có kinh nghiệm quản lý đào tạo trên 5 năm chủ trì thực hiện chương trình. Mỗi nhóm kiến thức cốt lõi phải có 01 tiến sĩ cơ hữu chuyên môn phù hợp, có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm. Giảng viên cơ hữu phải đảm bảo giảng dạy tối thiểu 70% khối lượng chương trình; giảng viên thỉnh giảng chỉ đảm nhận tối đa 30% và không giảng dạy toàn bộ một học phần (trừ học phần kỹ năng).

- Ngoài ra, cần có đội ngũ hỗ trợ học tập, cố vấn học tập và khuyến khích bố trí chuyên gia tư vấn tâm lý cho người học.

Như vậy, việc chuẩn hóa đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ như một điều kiện cốt lõi để bảo đảm chất lượng chương trình đào tạo ngành Luật. Các yêu cầu về trình độ giảng viên, công bố khoa học, kinh nghiệm thực tiễn, tiến sĩ chủ trì chương trình đào tạo, tỷ lệ giảng viên cơ hữu giúp nâng cao tính học thuật, tăng cường tính ứng dụng, bảo đảm sự ổn định, thống nhất và định hướng lấy người học làm trung tâm trong triển khai chương trình.

#### *4.1.5. Cơ sở vật chất và học liệu*

Cơ sở đào tạo bảo đảm đáp ứng các yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu để giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo các quy định hiện hành, đồng thời đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với hệ thống phòng làm việc, hệ thống giảng đường, hệ thống thư viện (bao gồm cả thư

viện số); phòng máy tính phục vụ cho việc giảng dạy và học tập; phòng học phù hợp cho việc học ngoại ngữ; hệ thống phần mềm đào tạo trực tuyến theo quy định; hệ thống quản lý học tập bằng phần mềm. Ngoài ra, các hệ thống quản lý học tập và quản lý đào tạo thường xuyên được cập nhật. Cơ sở đào tạo cần triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác với các cơ sở hành nghề luật để người học được trải nghiệm, thực hành, thực tập.

### ***4.2. Thực tiễn thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế và một số yêu cầu triển khai thực hiện***

#### *4.2.1. Thực trạng đào tạo đại học tại trường Đại học Luật, Đại học Huế*

Trường Đại học Luật, Đại học Huế hiện nay đang thực hiện đào tạo 02 ngành đối với đại học là ngành Luật và ngành Luật Kinh tế. Trong giai đoạn 2018-2025 Trường đã đạt được hiệu quả về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục như sau: được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục chu kỳ 1 (2018) và chu kỳ 2 (2024); được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với 02 chương trình đào tạo đại học ngành Luật và ngành Luật Kinh tế vào (2022), được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với 02 chương trình đào tạo Thạc sĩ Luật Kinh tế và Tiến sĩ Luật kinh tế (2025).

Các hoạt động đào tạo của Nhà trường chú trọng đến việc lấy người học làm trung tâm. Theo đó, chương trình đào tạo qua nhiều lần điều chỉnh đã bổ sung các học phần về kỹ năng, thực tiễn. Bên cạnh đó, việc giảng dạy các học phần cũng được phối hợp giữa các giảng viên cơ hữu trong trường kết hợp với thỉnh giảng từ các nhà sử dụng lao động là chuyên gia làm việc tại các tòa án, viện kiểm sát, văn

phòng công chứng, văn phòng luật sư... Vì vậy, qua mỗi chu kỳ tự đánh giá và đánh giá ngoài, Nhà trường đã kịp thời nhận diện các điểm mạnh, hạn chế trong hoạt động đào tạo. Trên cơ sở khuyến nghị của các chuyên gia và kết quả khảo sát thực tiễn việc làm của sinh viên tốt nghiệp, Nhà trường triển khai các biện pháp cải tiến liên tục, tập trung vào việc điều chỉnh chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao hiệu quả tổ chức đào tạo để đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp.

Việc ban hành Quyết định 678/QĐ-BGDDĐT có vai trò quan trọng làm khung tham chiếu thống nhất giúp Nhà trường rà soát chuẩn đầu ra, cấu trúc lại nội dung đào tạo theo tiếp cận năng lực, tăng cường gắn kết đào tạo với thực tiễn nghề luật với mục tiêu đào tạo sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được các yêu cầu về chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm và có khả năng làm việc, thích nghi trong nhiều môi trường lao động khác nhau.

#### *4.2.2. Thực tiễn thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo tại Trường Đại học Luật, Đại học Huế*

Trên cơ sở thực hiện Quyết định số 1056/QĐ-TTg ngày 13/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023-2030” và Quyết định số 678/QĐ-BGDDĐT ngày 14/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Luật đã triển khai các bước rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo nhằm bảo đảm phù hợp với chuẩn khối ngành Luật theo yêu cầu mới. Quá trình điều chỉnh đồng thời được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các căn cứ pháp

lý hiện hành, một số nội dung trọng tâm trong điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

*Một là*, rà soát, điều chỉnh mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra. Trong đó đảm bảo mục tiêu chung phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược của Nhà trường; mục tiêu cụ thể đảm bảo tính toàn diện về kiến thức pháp lý, năng lực nghề nghiệp, đạo đức và khả năng thích ứng với môi trường pháp lý hiện đại và phù hợp với yêu cầu của khung trình độ quốc gia Việt Nam;

*Hai là*, điều chỉnh các học phần trong khung chương trình đào tạo, thay thế các học phần không còn phù hợp; điều chỉnh tăng/giảm thời lượng các học phần, các khối kiến thức để đảm bảo phù và cân bằng về tỷ lệ giữa các khối kiến thức theo yêu cầu của Quyết định số 678/QĐ-BGDDĐT; tăng cường các học phần đào tạo về kỹ năng và các học phần ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo. Điểm nổi bật của chương trình đào tạo được điều chỉnh cập nhật theo yêu cầu của Quyết định 678/QĐ-BGDDĐT là tăng tính liên thông, ứng dụng, đáp ứng các yêu cầu kiểm định và hội nhập quốc tế. Nhiều học phần mới được bổ sung như: Hướng nghiệp và đạo đức nghề luật, công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực pháp luật, kỹ năng lập luận và tranh luận trong lĩnh vực pháp luật,... và điều chỉnh nhiều học phần theo hướng tăng kỹ năng hành nghề, giảm tải các học phần mang tính lý thuyết.

*Ba là*, cải tiến kỹ năng và phương pháp giảng dạy, chương trình đào tạo ngành Luật năm 2025 của Trường Đại học Luật, Đại học Huế được thiết kế theo định hướng giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra, chuyển từ mô hình truyền thụ sang đào

tạo phát triển năng lực của sinh viên. Hoạt động dạy - học hướng đến việc giảng viên sử dụng linh hoạt và hợp lý các phương pháp giảng dạy hiện đại, kết hợp lý thuyết với thực hành nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo và kỹ năng nghề nghiệp của người học. Khi ban hành chương trình đào tạo điều chỉnh đáp ứng chuẩn theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo, Trường đã triển khai cải tiến hoạt động giảng dạy thông qua việc biên soạn đề cương kỹ năng và phương pháp giảng dạy dành cho giảng viên, đồng thời xây dựng bộ tài liệu tập huấn sử dụng thống nhất trong toàn Trường.

*Bốn là*, chương trình đào tạo được triển khai lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan thông qua Hội nghị giới thiệu chương trình đào tạo mới điều chỉnh đáp ứng yêu cầu của Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT. Các nhóm nội dung được lấy ý kiến về thông tin chương trình đào tạo, triết lý giáo dục, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo gồm: (1) Tính đầy đủ, rõ ràng của thông tin chương trình đào tạo, (2) Sự rõ ràng của triết lý giáo dục, (3) Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, (4) Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, (5) Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo; (6) Mục tiêu chương trình đào tạo được trình bày rõ ràng, đầy đủ, (7) Chuẩn đầu ra phù hợp với Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT và Khung trình độ quốc gia, (8) Chuẩn đầu ra được lượng hoá bằng các chỉ báo cụ thể, phù hợp và nhiều nội dung bám sát chương trình đào tạo và yêu cầu của kiểm định chương trình đào tạo.

Trong quá trình thực hiện điều chỉnh chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu theo chuẩn ngành luật, có thể nhận thấy một số thuận lợi và khó khăn:

#### *Về thuận lợi:*

*Thứ nhất*, quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo được triển khai dựa trên cơ sở pháp lý đầy đủ và rõ ràng. Bên cạnh các quy định tại Quyết định số 1056/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt “Chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân luật giai đoạn 2023 - 2030”, Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam, Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học đã xác định chuẩn tối thiểu và định hướng chung, tạo cơ sở khoa học và pháp lý để Nhà trường thiết kế, chuẩn hóa và hoàn thiện chương trình đào tạo.

*Thứ hai*, trong quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo, Nhà trường đã chú trọng đến việc xây dựng mục tiêu nhằm thực hiện sứ mạng của Nhà trường, xây dựng chuẩn đầu ra dựa trên các mục tiêu đã định hướng và đảm bảo đo lường, đánh giá được và xác định rõ khi xây dựng chuẩn đầu ra học phần đáp ứng được những chuẩn đầu ra nào trong chương trình đào tạo. Đây là thành tố rất quan trọng trong việc duy trì và nâng cao chất lượng đào tạo.

*Thứ ba*, đội ngũ giảng viên và nhân viên hỗ trợ đã tiếp cận với sự thay đổi, điều chỉnh trong các lần điều chỉnh chương trình đào tạo nên thích ứng và có khả năng tiếp cận cũng như thực hiện chuẩn chương trình đào tạo thuận lợi. Nguồn nhân lực của Trường được đào tạo bài bản trong nước và nước ngoài đáp ứng các yêu cầu về năng lực chuyên môn, kiến thức và kỹ năng sư phạm là lợi thế khi thực hiện chuẩn chương trình đào tạo ngành luật trong bối cảnh hiện nay.

*Thứ tư*, hệ thống thư viện điện tử, nguồn lực dùng chung trong Đại học Huế đã giúp Trường khai thác và vận hành dữ liệu số và học liệu số, chuyển đổi mạnh mẽ trong việc khai thác các phần mềm giảng dạy trực tuyến, quản lý điều hành trực tuyến nên kết hợp giảng dạy, quản lý hiệu quả trực tiếp và trực tuyến.

*Thứ năm*, sự kết nối, chia sẻ phương pháp, kinh nghiệm trong điều chỉnh chương trình đào tạo, chia sẻ học thuật trong mạng lưới các cơ sở đào tạo luật ở Việt Nam giúp cho quá trình điều chỉnh chương trình đào tạo được tham vấn và tương thích phù hợp. Nhà trường khi điều chỉnh chương trình đào tạo theo chuẩn ngành luật đã nhận được sự góp ý, phản biện của các bên liên quan nên có nhiều sự gắn kết các học phần lý luận và thực tiễn. Ngoài ra, đội ngũ chuyên gia thực tiễn đa dạng cũng là điểm thuận lợi giúp cho sinh viên được tiếp cận thông qua thực tế, trải nghiệm, thực tập và trao đổi các hoạt động pháp lý thực tiễn.

*Về khó khăn:*

*Thứ nhất*, việc điều chỉnh các học phần theo hướng tăng cường các học phần về kỹ năng nên cần phải đầu tư thời gian, nhân lực và chi phí cho việc xây dựng, điều chỉnh các đề cương chi tiết học phần và tập huấn triển khai phương pháp giảng dạy theo chuẩn chương trình đào tạo ngành Luật.

*Thứ hai*, về bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo (Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17/02/2025) thay đổi về cách đánh giá, ràng buộc rõ ràng hơn về các tiêu chuẩn và quy trình kiểm định chặt chẽ hơn. Việc điều chỉnh chương trình đào tạo ngoài việc đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo ngoài lĩnh vực pháp luật, thì việc xây dựng các

chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phải lượng hóa được và chuẩn đầu học phần phải phù hợp với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Vì thế khi giảng viên xây dựng đề cương chi tiết học phần phải chú ý và đo lường được chuẩn đầu ra học phần của mình đạt được các chuẩn đầu ra của học phần nào để từ đó xây dựng kỹ năng và phương pháp giảng dạy, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp.

*Thứ ba*, quy định về yêu cầu đối với đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của cơ sở đào tạo thực hiện chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học: “Có ít nhất 01 (một) tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu có kinh nghiệm quản lý đào tạo và giảng dạy đại học tối thiểu 05 (năm) năm chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo. Ngành phù hợp là ngành ghi trên bằng tiến sĩ trùng khớp hoặc rộng hơn ngành tổ chức đào tạo” có thể gây khó khăn cho một số cơ sở đào tạo trong thực tiễn

*4.2.3. Một số vấn đề đặt ra trong quá trình cải tiến điều chỉnh chương trình đào tạo theo yêu cầu của Chuẩn chương trình đào tạo ngành Luật và yêu cầu hội nhập giáo dục*

*Thứ nhất*, hoạt động điều chỉnh chương trình đào tạo được triển khai dựa trên cơ sở pháp lý đầy đủ và rõ ràng. Bên cạnh các quy định tại Quyết định số 1056/QĐ-TTg về “Phê duyệt chương trình tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân ngành Luật giai đoạn 2023-2030”, Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT về “Quy chế đào tạo trình độ đại học”, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT quy định về “Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học”, Quyết định số 1982/QĐ-TTg về việc “Phê duyệt Khung trình

độ quốc gia Việt Nam”, Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT về “Ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học” đã xác định chuẩn tối thiểu và định hướng chung, tạo cơ sở vững chắc để Nhà trường thiết kế, chuẩn hóa và hoàn thiện chương trình đào tạo.

*Thứ hai*, cơ sở giáo dục đại học cần chú trọng đến việc xây dựng mục tiêu nhằm thực hiện sứ mạng đã đề ra, xây dựng chuẩn đầu ra dựa trên các mục tiêu đã định hướng và đảm bảo đo lường, đánh giá được và xác định rõ khi xây dựng chuẩn đầu ra học phần đáp ứng được những chuẩn đầu ra nào trong chương trình đào tạo.

*Thứ ba*, tham chiếu và đối sánh các tiêu chuẩn quy định trong chuẩn quy định hiện hành đối với đào tạo ngành Luật trình độ đại học, đặc biệt về đội ngũ giảng viên có chất lượng cao, đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, phương pháp giảng dạy tích cực và khả năng nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ và ngoại ngữ. Theo đó, để chuẩn hóa CTĐT các cơ sở đào tạo Luật cần phải xác định mục tiêu, giải pháp theo hướng: (1) Bám sát chuẩn cơ sở giáo dục đào tạo theo thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT về “Chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học”. (2) Nắm bắt Nghị quyết số 27-NQ/TW về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” và Nghị quyết số 66-NQ/TW về “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” để lồng ghép vào xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo. (3) Khảo sát, tham vấn ý kiến rộng rãi của các bên liên quan khi xây dựng hoặc điều chỉnh chương trình đào tạo. (4) Tăng cường liên kết giữa các cơ sở đào tạo luật

để hình thành khung chương trình đào tạo thống nhất, nâng cao tính liên thông và mở rộng khả năng công nhận tín chỉ trong tổ chức đào tạo.

## V. Kết luận

Điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Luật theo Quyết định số 678/QĐ-BGDĐT và các là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học và hội nhập quốc tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy khung chuẩn mới đã tạo ra nền tảng thống nhất về mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giảng viên và điều kiện đảm bảo chất lượng, giúp tăng tính minh bạch và đồng bộ trong hệ thống các cơ sở đào tạo luật trên cả nước. Việc áp dụng Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực pháp luật trình độ đại học không chỉ giúp các cơ sở đào tạo nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh mà còn đáp ứng mục tiêu lớn hơn đó là đào tạo nguồn nhân lực pháp lý có trình độ, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng hành nghề trong môi trường pháp lý hiện đại và hội nhập./.

## Tài liệu tham khảo

- [1]. Abumariam, A., Alrahamneh, A., Alshareef, B., et al. (2024). *The effectiveness of a training program based on psychoanalytic theory in developing psychological adjustment among students with motor disabilities at Al-Balqa Applied University. International Journal of Religion.* <https://doi.org/10.61707/4as0p538>
- [2]. Bhambra, A. S., & Johnson, D. M. (2024). *Curriculum design. In Book chapter.* <https://doi.org/10.4324/9781003383994-3>
- [3]. Borisova, A., & Gordienko, V. (2023). *Improving the educational program “business management of production systems”: Approaches to the restoration of the graduate’s*

- functionality. Экономика и предпринимательство [Economics and Entrepreneurship]. <https://doi.org/10.34925/eip.2022.149.12.285>
- [4]. Cameron, I. T., & Birkett, G. (2012). *A curriculum design, modelling and visualization environment*.
- [5]. Deng, X., & Shang, C. (2011). *Adjusting the structure of specialities and training innovative talents with broad knowledge*. <https://doi.org/10.3969/j.issn.1672-7312.2011.04.022>
- [6]. Druzhinina, M., Belkova, N., Donchenko, E., et al. (2018). *Curriculum design in professional education: Theory and practice*. <https://doi.org/10.1051/shsconf/20185001046>
- [7]. Filgona, J., Mahmud, Z., & Babba, G. (2024). *Curriculum design and innovation*. In *Advances in Higher Education and Professional Development*. <https://doi.org/10.4018/979-8-3693-6915-9.ch008>
- [8]. Guo, Z., & Yang, Y. (2009). *Construction of the diversified development modes in the adjustment of normal universities' professional training*. <https://doi.org/10.3969/j.issn.1006-4702.2009.01.002>
- [9]. Hill, A., Readman, K., & Strampel, K. (2024). *Curriculum frameworks*. <https://doi.org/10.4324/9781003008330-4>
- [10]. Huma, H. (2021). *Desain pengembangan kurikulum*. *AL-ILMI*, 4(1). <https://doi.org/10.32529/AL-ILMI.V4I1.849>
- [11]. Idris, Y. A. (2024). *Curriculum design*. *International Journal of Research and Innovation in Social Science*. <https://doi.org/10.47772/ijriss.2024.803179s>
- [12]. Jdaitawi, M. T. (2012). *The effect of emotional intelligence training program on social and academic adjustment among first year Jordanian university students (Doctoral dissertation)*.
- [13]. Li, Y. (2023). *Study on employment-oriented professional dynamic adjustment mechanism*. *Journal of Education and Educational Research*, 5(2). <https://doi.org/10.54097/jeer.v5i2.12551>
- [14]. Nguyen, H. O. (2014). *Grounded in practice: Designing & implementing relevant and student-centered curriculum*. In *Book chapter*. <https://doi.org/10.1108/S1479-366020140000021019>
- [15]. Qi, D., & Yu, S. (2013). *Research on revision of training program of the economics and management specialties based on the training mode - A case study from Changchun University of Science and Technology*. *International Journal of Higher Education*, 2(3), 62-71. <https://doi.org/10.5430/ijhe.v2n3p62>
- [16]. Ramdass, K., & Mokgohloa, K. (2023). *Curriculum design in higher education: A reflection*. In *European Conference on e-Learning*. <https://doi.org/10.34190/ecel.22.1.1883>
- [17]. Růžička, M., Humlíček, V., Potáč, M., et al. (2016). *Current adjustments in teaching and training students at the Faculty of Military Health Sciences, University of Defence*. *Military Medical Science Letters*. <https://doi.org/10.31482/mmsl.2016.011>
- [18]. Selvakumar, P., Babu, S. M., Portia, R., et al. (2024). *Curricula design and accreditation*. In *Advances in Medical Education, Research, and Ethics (AMERE)*. <https://doi.org/10.4018/979-8-3693-4334-0.ch015>
- [19]. Shower, S. (n.d.). *Curriculum design*. *Oxford Bibliographies*. <https://doi.org/10.1093/obo/9780199756810-0009>
- [20]. Shi, J. (施静翰). (2004). *On curriculum design for teachers' education*. <https://doi.org/10.3969/j.issn.1671-2250.2004.06.043>

- [21]. Song, X. (2009). *Research on modularized-curriculum-oriented teaching plan adjustment system for university*. <https://doi.org/10.3969/j.issn.1007-1423-b.2009.09.034>
- [22]. Tao, X., & Zhang, X. (2014). *Undergraduate students and curriculum design: A short literature review*. In *Proceedings of the ERMM Conference*. <https://doi.org/10.2991/ermm-14.2014.76>
- [23]. Wei, Q. (2005). *Brief analysis of the basic problems in curriculum designs*. <https://doi.org/10.3969/j.issn.1671-5365.2005.11.032>
- [24]. Zhu, H. (2023). *Dynamic adjustment of talent training scenario for electrical engineering and automation majors based on professional investigation*. In *Book chapter*. [https://doi.org/10.1007/978-3-031-36118-0\\_86](https://doi.org/10.1007/978-3-031-36118-0_86)

## CURRICULUM ADJUSTMENT TO MEET THE UNDERGRADUATE LEGAL EDUCATION PROGRAM STANDARDS AT THE UNIVERSITY OF LAW, HUE UNIVERSITY

*Tran Viet Long<sup>1</sup>, Tran Thi Xuan Hong*

**Abstract:** *This paper systematizes the regulatory framework and reviews the process of revising the Bachelor of Laws curriculum at Hue University's University of Law to meet the requirements of the National Standards for Undergraduate Legal Education (Decision No. 678). The study aims to clarify curricular adjustments to educational objectives, learning outcomes, program structure, and pedagogical approaches, and to assess the key facilitators and challenges encountered during implementation. The research employs a mixed methodology, combining the analysis and synthesis of legal documents and professional materials with the review of academic literature and internal empirical data (including stakeholder consultations, course syllabi, and institutional reports). The dataset comprises relevant legal regulations, pre- and post-revision curriculum documents, and stakeholder feedback. The findings indicate that the institution has updated its educational objectives, operationalized learning outcomes, adjusted credit allocations, incorporated skill-oriented and technology-enhanced courses, and strengthened internship and experiential learning components. The study provides practical insights for other law schools on aligning their curricula with sector-specific standards required by the Ministry of Education and Training.*

**Keywords:** *curriculum standards, learning outcomes, legal framework, educational resources, quality assurance*

---

<sup>1</sup> University of Law, Hue University